

Phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Cao Thị Lan Anh*

Tóm tắt: Người Ê-đê là một trong những dân tộc thiểu số tại chỗ theo chế độ mẫu hệ ở thành phố Buôn Ma Thuột. Trong xã hội truyền thống, người Ê-đê chủ yếu duy trì nguyên tắc nội hôn tộc người, hiện nay trong quá trình cộng cư thì việc người Ê-đê kết hôn khác dân tộc ngày càng trở nên phổ biến, vì vậy, vai trò giới có sự thay đổi nhất định. Dựa trên kết quả nghiên cứu định lượng và định tính, bài viết phân tích thực trạng phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê, từ đó đưa ra một số đánh giá về sự biến đổi vai trò giới của người Ê-đê khi kết hôn với các dân tộc khác, đặc biệt là với các dân tộc theo chế độ phụ hệ. Kết quả nghiên cứu cho thấy dù vẫn là người thực hiện chính các công việc gia đình nhưng phụ nữ Ê-đê có chồng là người thuộc các dân tộc phụ hệ nhận được chia sẻ công việc từ chồng nhiều hơn, quyền quyết định của họ có giảm đi so với trước đây nhưng thay vào đó họ được cùng chồng bàn bạc và ra quyết định cuối cùng. Khác với truyền thống, nam giới Ê-đê trong gia đình hôn nhân khác dân tộc hiện nay có xu hướng tham gia ở mức độ nhiều hơn các công việc nội trợ và chăm sóc dạy dỗ con cái, nhất là ở vai trò quyết định các công việc trong gia đình, dòng họ.

Từ khóa: Hôn nhân-Gia đình; Phân công lao động giữa vợ và chồng; Công việc gia đình; Người Ê-đê; Hôn nhân khác dân tộc.

Ngày nhận bài: 19/3/2021; ngày chỉnh sửa: 7/5/2021; ngày duyệt đăng: 25/8/2021.

* ThS., Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Thành phố Buôn Ma Thuột có 40 dân tộc cùng sinh sống, bao gồm người Kinh, dân tộc thiểu số tại chỗ và dân tộc thiểu số mới đến (Tinh ủy Đắk Lắk, 2019). Người Ê-đê là một trong những dân tộc thiểu số tại chỗ ở tỉnh Đắk Lắk theo chế độ mẫu hệ (Buôn Krông Tuyết Nhung, 2012). Chế độ gia đình mẫu hệ là một trong những đặc điểm nổi bật của các cư dân thuộc ngữ hệ Malayo-Polynesia ở Việt Nam, bao gồm 5 tộc người là Ê-đê, Gia-rai, Ra Glai, Chu-ru và người Chăm. Đến nay, biểu hiện mẫu hệ còn thể hiện rõ nét và sâu đậm nhất ở người Ê-đê, nhạt dần theo thứ tự ở người Gia-rai, đến Ra Glai, Chu-ru và Chăm (Nguyễn Văn Thắng, 2018). Trong các gia đình mẫu hệ Ê-đê, vai trò của phụ nữ và nam giới có sự khác biệt so với các dân tộc khác theo chế độ phụ hệ. Trong xã hội truyền thống, người Ê-đê chủ yếu duy trì nguyên tắc nội hôn tộc người. Hiện nay trong quá trình cộng cư với các dân tộc khác thì việc người Ê-đê kết hôn khác dân tộc ngày càng trở nên phổ biến. Sự khác biệt về vai trò giới ở các chế độ gia đình khác nhau có tác động và dẫn đến những biến đổi nhất định trong phân công lao động giữa vợ và chồng của người Ê-đê.

Dựa vào số liệu của Đề tài cấp Cơ sở “Phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk” do tác giả thực hiện năm 2020 dưới sự chủ trì của Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, bài viết phân tích việc phân công công việc gia đình giữa vợ và chồng trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sự phân công các công việc nhà bao gồm phân công việc nội trợ, chăm sóc dạy dỗ con, chăm sóc người cao tuổi, người ốm và các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ và cộng đồng.

2. Một số khái niệm và phương pháp nghiên cứu

Một số khái niệm

Công việc gia đình được nhận định là một khía cạnh quan trọng trong đời sống con người, cung cấp các dịch vụ nội trợ, chăm sóc cần thiết cho gia đình. Tại Việt Nam, thuật ngữ “công việc gia đình” được sử dụng để chỉ các công việc không được trả lương, được gọi bằng nhiều tên gọi khác nhau như công việc nội trợ, việc nhà, việc vặt, việc của phụ nữ. Các nghiên cứu thường có xu hướng định nghĩa công việc gia đình thiên về các công việc nội trợ, chăm sóc nhiều hơn (Trần Thị Hồng, 2019). Trong bài viết này, khái niệm công việc gia đình được hiểu gồm những công việc nội trợ như đi chợ, nấu ăn, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa; chăm sóc, dạy dỗ con cái trong gia đình; chăm sóc người cao tuổi, người ốm đau, bệnh tật trong gia đình; công việc của gia đình, dòng họ, cộng

đồng (thăm viếng họ hàng, ma chay, cưới xin trong dòng họ). Nhận diện công việc gia đình theo cách hiểu này không chỉ bao gồm các công việc nội trợ, chăm sóc đơn thuần mà còn bao quát cả công việc của dòng họ vốn gắn với trách nhiệm của người phụ nữ Ê-đê trong chế độ mẫu hệ.

Trong mẫu nghiên cứu này, các dân tộc mẫu hệ bao gồm Ê-đê, Gia-rai, Chăm. Đặc điểm nổi bật của chế độ gia đình mẫu hệ được phản ánh rõ nét trong các lĩnh vực như hôn nhân, gia đình, cư trú, thừa kế tài sản, sở hữu đất đai theo luật tục... mà ở đó người phụ nữ có vai trò quan trọng bậc nhất, đôi khi là vai trò quyết định đối với vấn đề của cộng đồng, công việc trong gia đình cũng như ngoài xã hội (Nguyễn Văn Thắng, 2018). Xã hội theo chế độ gia đình mẫu hệ đó là dòng dõi theo mẹ, cư trú theo mẹ, thừa kế tài sản về phía nữ. Bất kỳ xã hội nào tuân thủ theo ba tiêu chí trên đều được gọi là xã hội mẫu hệ (Nguyễn Thị Hạnh, 2004). Còn những cách hiểu khác nhau về mẫu quyền và mẫu hệ: mẫu quyền là ám chỉ tới sự thống trị của các thành viên nữ trong xã hội; còn mẫu hệ là cách tính dòng dõi về phía mẹ, đó là dòng dõi được thừa kế bởi cả hai, nam và nữ, nhưng nó chỉ truyền cho con cháu của người phụ nữ mà thôi (Thu Nhung Mlô Duôn Du, 2001). Còn với gia đình mẫu quyền, “người mẹ hay người phụ nữ nhiều tuổi nhất trong nhà có tiếng nói và uy quyền cao nhất” (Mai Huy Bích, 2010: 37).

Các dân tộc song hệ ở đây bao gồm Mnông, Xơ-đăng, Kơ-mer. Chế độ song hệ là chế độ mà một người trong xã hội, vừa thuộc về nhóm từ hệ theo bố, và vừa thuộc về nhóm từ hệ theo mẹ. Nghĩa là, mỗi cá nhân đồng thời thuộc nhóm theo dòng mẹ và vừa thuộc nhóm theo dòng bố. Trong chế độ song hệ, dòng theo bố và dòng theo mẹ có những quy chế khác nhau. Phân công lao động và xã hội dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng. Con trai hay con gái đều được hưởng quyền thừa kế tài sản của bố mẹ như nhau (Phan Hữu Dật, 2013). Chẳng hạn, người Kơ-mer không có sự phân biệt rõ ràng về chế độ gia đình, nhiều học giả cho rằng đó là chế độ song hệ khi họ không phân biệt họ bên cha hay họ bên mẹ, mà coi như nhau (Vương Xuân Tình, 2017). Với gia đình song hệ, con cái được tính theo dòng dõi và mang họ của cả bố lẫn mẹ (Mai Huy Bích, 2010). Tuy nhiên, ở địa bàn nghiên cứu, hôn nhân giữa người Ê-đê với các dân tộc phụ hệ là phổ biến, việc kết hôn giữa người Ê-đê với các dân tộc song hệ ít trường hợp hơn nên các biểu hiện không rõ nét.

Các dân tộc phụ hệ ở mẫu nghiên cứu này bao gồm người Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Lào, Cơ-tu, Thổ, Hoa, Vân Kiều. Ở các dân tộc theo chế độ phụ hệ, dòng họ được tính theo người cha, quyền quyết định thuộc về người đàn ông, thừa kế tài sản cho con trai. Ở gia đình phụ hệ “đứa trẻ mới sinh ra được

tính là dòng dõi của người đàn ông (tức bố nó), và mang họ bố. Gia đình xuất thân của bố được coi là gần gũi hơn, và người Kinh ở Việt Nam gọi là bên nội, còn gia đình xuất thân của người mẹ gọi là bên ngoại” (Mai Huy Bích, 2010:36). Đó là với gia đình phụ hệ nói chung, còn đối với gia đình phụ quyền, quyền lực và tiếng nói cao nhất trong nhà thuộc về người cha hay người đàn ông nhiều tuổi nhất (Mai Huy Bích, 2010).

Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở “Phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk” thực hiện năm 2020, với mẫu định lượng là 100 người đại diện là vợ hoặc chồng người Ê-đê kết hôn khác dân tộc theo cơ cấu sau: 50 người sống ở đô thị (phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột; khảo sát tại 3 buôn: Buôn Alê A, buôn Alê B, buôn MDuk) và 50 người sống ở nông thôn (xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột; khảo sát tại 4 buôn: buôn Krông A, buôn Krông B, buôn Ju, buôn Kô Tam). Phương pháp định tính với phỏng vấn sâu 10 người, gồm 4 trường hợp dân tộc Ê-đê lấy dân tộc Kinh; 6 trường hợp dân tộc Ê-đê lấy các dân tộc thiểu số khác, cân đối theo tiêu chí độ tuổi và nghề nghiệp.

Về đặc điểm mẫu định lượng: có 46% người trả lời là nam và 54% là nữ. Về dân tộc của người trả lời, phụ nữ Ê-đê lấy chồng ở các dân tộc phụ hệ chiếm 76,1%, lấy chồng ở các dân tộc mẫu hệ khác chiếm 23,9%. Nam giới Ê-đê lấy vợ ở các dân tộc phụ hệ chiếm 88,9% và lấy vợ ở các dân tộc mẫu hệ khác chiếm 11,1%. Người trả lời đang có đầy đủ vợ chồng, chủ yếu kết hôn lần đầu (92%), kết hôn lần thứ hai là 8%. Độ tuổi của người trả lời khá đa dạng: dưới 30 tuổi chiếm 34%; từ 30-39 tuổi chiếm 25%; 40-49 tuổi chiếm 19% và từ 50-59 chiếm 12% và từ 60 tuổi trở lên chiếm 10%. Về tôn giáo, có 39% người không theo tôn giáo nào; 40% theo Công giáo; 16% theo đạo Tin lành; theo Đạo Phật chiếm 4%; 1% theo đạo khác. Về trình độ học vấn, chủ yếu là THCS trở xuống chiếm 48%; THPT chiếm 29%; trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên chiếm 23%. Đa phần người trả lời tham gia sản xuất kinh doanh hộ gia đình, chiếm 79% (trong đó nông nghiệp chiếm 56% và thương nghiệp, dịch vụ chiếm 23%); 11% trong lĩnh vực nhà nước và 10% ở lĩnh vực tư nhân.

Về khu vực sinh sống, những người trả lời chủ yếu lớn lên ở khu vực nông thôn (62%); ở khu vực nội thành phố chiếm 36%, 2% ở khu vực nội thị xã/thị trấn. Chính việc mở rộng môi trường gặp gỡ, tìm hiểu bạn đời nên các cuộc hôn nhân khác dân tộc diễn ra đa dạng khi đa phần người trả lời không lớn lên cùng một địa phương, cụ thể là có 69% không cùng tỉnh/thành phố; không cùng huyện/thị xã/quận nhưng cùng tỉnh/thành phố (18%); không cùng xã/phường

nhưng cùng huyện/thị xã/quận là 10%; Cùng thôn/tổ dân phố chiếm 2%, thấp nhất là cùng xã/phường (1%).

3. Phân công lao động giữa vợ và chồng trong công việc nhà của người Ê-đê kết hôn khác dân tộc

3.1. Phân công công việc nội trợ

Phân công công việc nội trợ là thực hiện những việc liên quan đến tái tạo sức lao động cho các thành viên trong gia đình như mua thức ăn, giặt giũ, dọn nhà cửa, chăm sóc người ốm, trẻ em... (Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, 2008). Giống như các tộc người khác, công việc nội trợ gần như là công việc cố hữu của phụ nữ nhìn từ vai trò giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò giới truyền thống trong gia đình mẫu hệ Ê-đê vẫn được bảo lưu, 100% phụ nữ Ê-đê lấy chồng là người dân tộc mẫu hệ khác là người làm nhiều hơn chồng các công việc nội trợ. Với tỷ lệ thấp hơn nhưng vẫn có đến 87,5% phụ nữ Ê-đê lấy chồng là người dân tộc phụ hệ làm nhiều hơn công việc nội trợ so với chồng; còn lại 12,5% tham gia một phần vào công việc này. Đặc biệt, không có bất kỳ phụ nữ Ê-đê nào làm ít hoặc không thực hiện công việc nội trợ (Bảng 1).

Bảng 1. Mức độ thực hiện công việc nội trợ trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người vợ Ê-đê (%)

Dân tộc của chồng	Làm nhiều	Một phần	N
Phụ hệ	87,5	12,5	48
Mẫu hệ	100	0	6
Chung	88,9	11,1	54

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Như vậy, trong gia đình người Ê-đê có hôn nhân khác dân tộc, hầu hết công việc nội trợ vẫn do chị em phụ nữ thực hiện chính, nhưng phụ nữ Ê-đê có chồng ở các dân tộc phụ hệ được chồng chia sẻ công việc nội trợ nhiều hơn. “*Bố mẹ mình đều là người Ê-đê, bố mình chỉ lo đi làm ngoài rẫy là chính, nội trợ thì mẹ mình làm hết. Còn như mình lấy anh là người dân tộc Kinh thì khác, anh lo lắng phụ giúp hết mình việc nhà, anh lại nấu ăn ngon nên chủ yếu là anh nấu, khi nào anh ấy đi vắng thì mình mới làm thôi. Còn nhớ trong quá trình mình mang thai, mình không phải làm bất cứ việc gì, anh ấy làm hết vậy đó*” (Nữ, 33 tuổi, buôn MDuk, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột). Trái lại, phụ nữ Ê-đê có chồng ở các dân tộc mẫu hệ ít được chồng chia sẻ công việc nội trợ, họ là người đảm nhiệm chính công việc này. “*Đi chợ, nấu ăn, rửa bát, giặt đồ xưa*

giờ là việc của phụ nữ nên cũng không phàn nàn gì nhiều, việc mình mình làm thôi, ông chồng có siêng năng thì giúp không thì thôi. Thường thì khi mình nuôi con nhỏ, bận bịu con thì đôi lúc ông cũng phải làm, chồng có chia sẻ với nhau nhưng chủ yếu vẫn chỉ là mình” (Nữ, 34 tuổi, buôn A Lê A, phường Ea Tam).

Nam giới Ê-đê trong truyền thống chỉ gắn với vai trò ngoài gia đình, là người chủ yếu làm kinh tế để tạo ra thu nhập nuôi sống đại gia đình, việc nội trợ hoàn toàn do phụ nữ Ê-đê đảm nhận, thì hiện nay, họ đã có sự chia sẻ công việc này với vợ.

Bảng 2. Mức độ thực hiện công việc nội trợ trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người chồng Ê-đê (%)

Dân tộc của vợ	Làm nhiều	Một phần	Ít	Không	N
Phụ hệ	28,6	14,3	28,6	28,6	35
Mẫu hệ	0	54,5	45,5	0	11
Chung	21,7	23,9	32,6	21,7	46

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Số liệu Bảng 2 cho thấy nam giới Ê-đê có vợ là các dân tộc phụ hệ thực hiện công việc nội trợ ở mức làm nhiều hơn vợ chiếm 28,6%, tham gia một phần là 14,3% và 28,6% tham gia ít hơn so với vợ. Như vậy, hiện có hơn 2/3 nam giới Ê-đê có vợ là người dân tộc phụ hệ có sự chia sẻ công việc nội trợ với vợ. Nam giới Ê-đê có vợ là các dân tộc mẫu hệ chủ yếu tham gia một phần hoặc tham gia ít hơn so với vợ. “Mình là người Ê-đê, còn vợ mình là người Nùng. Bọn mình quen nhau từ thời học đại học. Vợ chồng mình đều làm nhà nước, cô ấy luôn bảo mình nấu mấy món ăn của người đồng bào mình ngon hơn nên toàn nhường cho mình nấu thôi. Vì thế mình cũng siêng nấu hơn. Đi làm về thì cả hai vợ chồng cùng vào nấu ăn, vừa nhanh mà vui nữa” (Nam, 37 tuổi, buôn Alê B, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột).

Nghiên cứu về phân công lao động giữa vợ và chồng người Ê-đê kết hôn cùng dân tộc ở thành phố Buôn Ma Thuột của tác giả Lê Hữu Phước (2017) cũng cho thấy, người vợ đảm nhận hết các công việc thuộc về nội trợ với tỷ lệ đồng ý với ý kiến này là 80% ở việc nấu cơm; 52,9% ở việc rửa bát; 62,1% ở việc giặt đồ và 60,7% ở việc đi chợ. Với những công việc này, người chồng tham gia với tư cách là người đồng hành, hỗ trợ vợ trong các công việc kể trên thể hiện qua việc cả hai cùng làm chiếm tỷ lệ nhất định. Đặc biệt trong số nam giới được hỏi không ai thực hiện chính việc nấu ăn và rửa bát, họ chỉ phụ vợ khi vợ ốm đau, quá bận hoặc khi nhà có khách. Sự tham gia chính của người chồng chiếm một tỷ lệ nhỏ trong các công việc kể trên (Lê Hữu Phước, 2017).

Hiện nay, đối với nam giới Ê-đê có vợ là dân tộc mẫu hệ khác, dù không thực hiện chính công việc nội trợ, nhưng họ cũng đã có sự chia sẻ phần nào việc nội trợ với vợ. *“Tất nhiên là vợ tôi phải đảm nhiệm hết những công việc đó rồi. Tôi khá là bận nên hầu như không có thời gian làm những công việc nhà. Việc nội trợ thì do vợ tôi làm hết, thỉnh thoảng vào những ngày nghỉ, tôi cũng giúp đỡ vợ tôi làm việc nhà. Thường thì tôi đi làm phụ hồ cả ngày, về tới nhà thì đã rất mệt và chỉ muốn đi ngủ. Với lại xung quanh đây nhà nào cũng thế cả, nấu ăn, giặt giũ vợ làm hết, chồng đi làm rẫy, làm thuê là chính thôi”* (Nam, 35 tuổi, thợ xây, buôn Ju, xã Ea Tu).

Trong quan niệm của người trả lời, công việc nội trợ vẫn được cho là công việc nhẹ nhàng, là việc của phụ nữ. Nhưng thực tế công việc nội trợ không phải là công việc đơn giản, nhẹ nhàng như quan niệm của nhiều người, nó đòi hỏi nhiều thời gian và công sức của người thực hiện, người phụ nữ vừa phải hoàn thành tốt công việc lao động sản xuất như nam giới, mặt khác lại phải tiếp tục bỏ thêm một lượng thời gian cho các công việc nấu ăn, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa... Đối với những phụ nữ Ê-đê kết hôn khác dân tộc họ đã nhận được sự chia sẻ từ phía người chồng, phần nào giúp họ giảm được gánh nặng công việc nội trợ.

Tóm lại, kết quả phân tích cho thấy bên cạnh bảo lưu mô hình phân công lao động truyền thống thì cũng đã có sự thay đổi rõ rệt trong việc chia sẻ công việc gia đình giữa vợ và chồng trong gia đình của phụ nữ Ê-đê có chồng ở các dân tộc phụ hệ và có sự sẻ chia nhất định từ nam giới Ê-đê lấy vợ là người các dân tộc phụ hệ. Phân công công việc nội trợ giữa vợ và chồng trong hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê có sự tương đồng với mô hình phân công lao động truyền thống ở các dân tộc phụ hệ nói chung. Suy cho cùng, phụ nữ dù ở dân tộc nào vẫn là người thực hiện thiên chức làm mẹ, làm vợ, do đó việc thực hiện công việc nội trợ ở phụ nữ mẫu hệ Ê-đê cũng giống với phụ nữ ở chế độ xã hội phụ hệ, phần lớn họ đều là người đảm nhận chính vai trò này, và khi phụ nữ Ê-đê kết hôn khác dân tộc, nhất là với dân tộc phụ hệ, họ cũng đã có sự hòa hợp để phù hợp với văn hóa nhà chồng.

3.2. Chăm sóc, dạy dỗ con cái

Kết quả khảo sát từ những người có con cái hiện đang sống cùng gia đình cho thấy nữ giới Ê-đê chủ yếu là người thực hiện chính các công việc liên quan đến chăm sóc, dạy dỗ con cái: 91,1% phụ nữ Ê-đê có chồng là các dân tộc phụ hệ là người làm chính; 83,3% phụ nữ Ê-đê có chồng là các dân tộc mẫu hệ là người làm chính (Bảng 3). Điều này cho thấy vai trò quan trọng của người vợ trong chăm sóc, dạy dỗ con cái. Có thể thấy rằng, phụ nữ Ê-đê cũng như nhiều

những phụ nữ ở các dân tộc khác nói chung, gắn với thiên chức của người mẹ nên việc chăm sóc dạy dỗ con cái luôn được đề cao, coi trọng.

Bảng 3. Mức độ thực hiện công việc chăm sóc, dạy dỗ con trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người vợ Ê-đê (%)

Dân tộc của chồng	Làm nhiều	Một phần	N
Phụ hệ	91,1	8,9	45
Mẫu hệ	83,3	16,7	6
Chung	90,2	9,8	51

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Số liệu Bảng 4 cho thấy đối với nam giới Ê-đê lấy vợ ở các dân tộc phụ hệ, các công việc chăm sóc, dạy dỗ con cái cũng được họ chia sẻ với vợ, nhưng ở mức độ làm nhiều hơn chỉ chiếm 22,6%; chủ yếu ở mức làm ít (41,9%) và tham gia làm một phần so với vợ (35,5%). Dường như văn hóa truyền thống gắn với vai trò chăm sóc con cái, chăm sóc gia đình trong truyền thống của người Ê-đê mẫu hệ do phụ nữ làm nhiều là chính, do đó ở những nam giới Ê-đê lấy vợ là các dân tộc mẫu hệ khác, họ có sự chia sẻ với vợ nhưng mức độ làm nhiều hơn vợ trong công việc chăm sóc, dạy dỗ con cái chiếm tỷ lệ thấp hơn nam giới Ê-đê lấy vợ ở các dân tộc phụ hệ (18,2%). Đa phần họ chia sẻ một phần công việc chăm sóc dạy dỗ con cái so với vợ (45,5%) và ít hơn (36,4%).

Bảng 4. Mức độ thực hiện công việc chăm sóc, dạy dỗ con trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người chồng Ê-đê (%)

Dân tộc của vợ	Làm nhiều	Một phần	Ít	N
Phụ hệ	22,6	35,5	41,9	31
Mẫu hệ	18,2	45,5	36,4	11
Chung	21,4	38,1	40,5	42

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Dù có sự thừa nhận trách nhiệm chăm sóc của bố và mẹ với con cái, nhưng quan niệm cho rằng người vợ nên là người chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc, dạy dỗ con cái vẫn còn phổ biến. “*Con cái mình sinh ra nên cả hai vợ chồng, cũng như người thân trong gia đình đều có trách nhiệm phải chăm sóc, nuôi dạy con. Nhưng mẹ khéo léo hơn, thường xuyên tiếp xúc với con hơn nên dễ dàng trong việc chăm sóc. Còn việc dạy dỗ con cái nên người, dạy con nhân cách đạo đức, dạy con học hành là việc của cả hai vợ chồng phải làm, bố dạy con mạnh mẽ hơn còn mẹ dạy con ngăn nắp, lễ phép với người lớn tuổi... Nhưng người nên chịu trách nhiệm chính trong chăm sóc con cái nên là người vợ*”

(Nam, 38 tuổi, buôn Krông A, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột). Như vậy, việc chăm sóc nuôi dạy con cái, dù đều nhận thức được đó là trách nhiệm chung của cả bố mẹ nhưng trách nhiệm chính vẫn thuộc về phụ nữ Ê-đê. “*Theo chị thấy, điểm khác biệt so với trong truyền thống của người Ê-đê kết hôn cùng dân tộc so với việc người Ê-đê kết hôn khác dân tộc hiện nay là trước đây nam giới Ê-đê phó mặc trách nhiệm nuôi dạy con cái cho phụ nữ thì hiện họ đã có trách nhiệm với con cái hơn, lo lắng, chăm sóc con nhiều hơn*” (Nữ, 59 tuổi, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột). Nam giới Ê-đê có thực hiện chính chiếm tỷ lệ không cao (21,4%) nhưng đã cho thấy được sự chia sẻ trách nhiệm chăm sóc, giáo dục con cái của nam giới Ê-đê với vợ.

Xét theo nhóm tuổi, phụ nữ Ê-đê dưới 30 tuổi và nhóm từ 60 tuổi trở lên thực hiện chính công việc chăm sóc dạy dỗ con cái thấp hơn (71,4% và 80%), tỷ lệ thực hiện nhiều nhất ở nhóm tuổi 40-49 tuổi (100%) và độ tuổi 30-39 tuổi (90%) là vì vào độ tuổi này phụ nữ đã lập gia đình ổn định và có con cái nên sự chăm sóc dường như nhiều hơn. Như vậy, theo thời gian, có những giá trị có thể đổi thay nhưng việc chăm sóc, dạy dỗ con cái gắn với thiên chức làm mẹ của người phụ nữ nói chung, phụ nữ Ê-đê nói riêng vẫn nguyên giá trị.

3.3. Chăm sóc người cao tuổi, người ốm

Kết quả nghiên cứu từ 73% những người trong gia đình hiện có người cao tuổi, người ốm cho thấy, nhiệm vụ chăm sóc người cao tuổi, người ốm chủ yếu vẫn thuộc về chị em phụ nữ. 82,9% phụ nữ Ê-đê có chồng ở các dân tộc phụ hệ thực hiện chính việc chăm sóc người cao tuổi, người ốm và hầu hết phụ nữ Ê-đê có chồng là dân tộc mẫu hệ làm công việc này (Bảng 5).

Bảng 5. Mức độ thực hiện công việc chăm sóc người cao tuổi, người ốm trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người vợ Ê-đê (%)

Dân tộc của chồng	Làm nhiều	Một phần	Ít	N
Phụ hệ	82,9	14,3	2,8	35
Mẫu hệ	100	0	0	2
Chung	83,8	13,5	2,7	37

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Ở các gia đình người Ê-đê kết hôn với các dân tộc song hệ, các công việc liên quan đến chăm sóc người cao tuổi cũng chủ yếu do phụ nữ đảm nhận. “*Nhà chị chủ yếu là chị làm hết mọi việc trong gia đình, từ nấu ăn, giặt giũ, chăm sóc bố mẹ hai bên. Chị thấy việc phụ nữ Ê-đê kết hôn với các dân tộc khác, được chia sẻ công việc nhiều hay ít phụ thuộc vào gia đình chồng theo chế độ gia đình nào, có gia trưởng hay không, như chồng chị là người Mnông thì chị cũng phải*

lo hết mọi việc vậ đó. Nhưng hai đứa em gái của chị kết hôn với người Kinh nhưng mỗi người một kiểu, em gái thứ hai thì chồng làm cho hết việc, còn bé ba thì giống kiểu phụ nữ truyền thống lo đảm đương mọi việc trong gia đình” (Nữ, 44 tuổi, buôn Alê B, phường Ea Tam).

Nam giới Ê-đê có vợ ở các dân tộc phụ hệ chủ yếu thực hiện một phần công việc chăm sóc người cao tuổi, người ốm trong gia đình, còn ở mức độ làm nhiều chỉ chiếm 20% thấp hơn đáng kể so với nam giới Ê-đê có vợ ở các dân tộc mẫu hệ.

Bảng 6. Mức độ thực hiện công việc chăm sóc người cao tuổi, người ốm trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người chồng Ê-đê (%)

Dân tộc của vợ	Làm nhiều	Một phần	Ít	N
Phụ hệ	20	60	20	25
Mẫu hệ	45,5	0	54,5	11
Chung	27,8	41,7	30,5	36

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Minh Tuấn (2012) về bình đẳng giới trong gia đình Ê-đê kết hôn cùng dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk cũng cho thấy có tới 84,5% người được hỏi cho rằng vợ là người đảm nhận công việc nội trợ và chăm sóc sức khỏe cho các thành viên trong gia đình (Nguyễn Minh Tuấn, 2012:84). Có thể nói, phụ nữ Ê-đê có hôn nhân cùng dân tộc hay khác dân tộc vẫn là người bảo lưu vai trò chăm sóc chính các thành viên gia đình như trong truyền thống.

3.4. Các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ, cộng đồng

Trong gia đình Ê-đê truyền thống, người chồng là người đại diện cho vợ mình tham gia giải quyết các công việc trong dòng họ, tham gia vào các quan hệ xã hội, tiếp khách, giao lưu với bên ngoài... Mặc dù người phụ nữ là chủ gia đình, có thể là trưởng họ, nhưng trên thực tế, đàn ông vẫn là người tham gia chủ yếu vào các quan hệ xã hội bên ngoài, đại diện cho vợ và dòng họ bên vợ trong công tác đối ngoại. Người phụ nữ Ê-đê là người có vai trò trực tiếp đối với gia đình mẫu hệ, đồng thời họ có vai trò gián tiếp đối với thiết chế tổ chức xã hội (Buôn Krông Tuyết Nhung, 2012).

Ở xã hội mẫu hệ Ê-đê truyền thống, trong gia đình hoặc dòng họ, khi quyết định một việc quan trọng (mua bán, trao đổi, hoặc cưới hỏi...) nếu không thông qua ý kiến của bà chủ nhà coi như sẽ không được phép thực hiện (Buôn Krông Tuyết Nhung, 2012). Trước đây, người quyết định cuối cùng

các vấn đề quan trọng trong gia đình người Ê-đê chủ yếu do người phụ nữ quyết định, thì hiện nay, các quyết định này đã được nữ giới Ê-đê chia sẻ với người chồng khác dân tộc của mình và vai trò thực hiện chính cũng có sự thay đổi nhất định.

Bảng 7. Mức độ quyết định các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người vợ Ê-đê (%)

Dân tộc của chồng	Chồng	Vợ	Bằng nhau	Người khác	N
Phụ hệ	14,6	4,2	77,1	4,2	48
Mẫu hệ	0	0	100	0	6
Chung	13,0	3,7	79,6	3,7	54

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Đối với phụ nữ Ê-đê lấy chồng ở dân tộc phụ hệ, các công việc quan trọng liên quan đến gia đình, dòng họ do hai vợ chồng quyết định bằng nhau chiếm 77,1%; chồng của họ quyết định chính nhiều hơn chiếm 14,6%. Ở hầu hết các gia đình phụ nữ Ê-đê có chồng là dân tộc mẫu hệ khác thì đều do cả hai vợ chồng ra quyết định bằng nhau (Bảng 7). Mức độ quyết định các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người chồng Ê-đê có vợ là dân tộc mẫu hệ khác và ở nhóm dân tộc mẫu hệ lại không có nhiều khác biệt (Bảng 8).

Bảng 8. Mức độ quyết định các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người chồng Ê-đê (%)

Dân tộc của vợ	Chồng	Bằng nhau	N
Phụ hệ	42,9	57,1	35
Mẫu hệ	45,5	54,5	11
Chung	43,5	56,5	46

Nguồn: Kết quả khảo sát tại thành phố Buôn Ma Thuột, năm 2020.

Như vậy, hiện nay trong gia đình phụ nữ Ê-đê kết hôn khác dân tộc đã có sự tham gia nhiều hơn từ phía người chồng trong quyết định các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ. Người chồng khác dân tộc đã thay thế vai trò quyết định chính của phụ nữ Ê-đê nhiều hơn. Nếu trước kia người chồng chỉ là người đại diện vợ thì hiện nay phụ nữ Ê-đê để chồng quyết định và thực hiện chính các công việc liên quan đến gia đình dòng họ bên chồng, họ chỉ giữ trách nhiệm với phía dòng nữ của mình. Trong truyền thống “*người chồng đại diện vợ thay mặt thực hiện các công việc của dòng họ, nhưng nếu ví tới hiện tượng sấm và sét thì sức mạnh của người chồng chỉ là tiếng sấm vang, còn quyền lực thực sự phải là*

tiếng sét thể hiện uy quyền của người vợ” (Nữ, 59 tuổi, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột).

Trong truyền thống, ở các dân tộc mẫu hệ Ê-đê, các quyết định quan trọng cuối cùng thường do phụ nữ, nhất là người phụ nữ lớn tuổi quyết định để đi đến thực hiện, thì hiện nay khi kết hôn khác dân tộc, vai trò giới của cả nam và nữ Ê-đê có sự thay đổi theo hướng giống với các dân tộc theo chế độ phụ hệ, đó là cả nam và nữ có quyền quyết định và thực hiện ngang nhau, trong đó nam giới thường đại diện thực hiện chính các công việc của gia đình, dòng họ. Dường như đây là điểm thay đổi rõ nét nhất về vai trò giới của người Ê-đê khi kết hôn khác dân tộc. Nếu như trong truyền thống, các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ đều do người vợ đảm nhận, thì hiện nay khi kết hôn khác dân tộc, nam giới Ê-đê trở thành người đại diện thay vợ quyết định và thực hiện chính những công việc này.

4. Một số đánh giá về sự biến đổi vai trò giới trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay

Có thể thấy, hiện nay việc người Ê-đê kết hôn với các dân tộc phụ hệ, song hệ đang ngày càng trở nên phổ biến, hầu hết trong các trường hợp gia đình có yếu tố mẫu hệ, phụ hệ hay song hệ đan xen gần như họ đều có sự hòa hợp giữa vợ và chồng để cùng nhau hướng đến mục tiêu cuối cùng là hạnh phúc gia đình, cùng đưa ra quyết định, chia sẻ các công việc nhà. Xã hội mẫu hệ Ê-đê hiện nay có xu hướng nghiêng dần theo chế độ phụ hệ, với nhiều biểu hiện của phụ hệ, do đó, vai trò giới có sự thay đổi nhất định.

Trong các gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay, công việc nội trợ mặc dù vẫn do phụ nữ Ê-đê đảm nhận chính nhưng có sự chia sẻ nhiều hơn từ phía người chồng, nhất là ở gia đình phụ nữ Ê-đê kết hôn với chồng ở dân tộc phụ hệ. Đây được xem là điểm tích cực nổi trội trong các gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê so với xã hội truyền thống giúp làm giảm gánh nặng gia đình cho phụ nữ. Cũng vì thế, dường như trong các gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay đang có sự bình đẳng giới cao hơn. Với đặc trưng của chế độ mẫu hệ, đề cao vai trò của người phụ nữ nhiều hơn so với các tộc người phụ hệ, song hệ, thì hiện nay khi người Ê-đê kết hôn với các dân tộc khác đã thể hiện được sự bình đẳng giới cao hơn. Phụ nữ Ê-đê có quyền ra quyết định quan trọng trong gia đình và hiện nay cũng nhận được sự chia sẻ từ người chồng khác dân tộc nhiều hơn, họ cũng được cùng chồng bàn bạc để ra quyết định cuối cùng. Nam giới Ê-đê lấy vợ ở các dân tộc khác thì vai trò người chủ gia đình của họ trở

nên mạnh mẽ hơn so với trong truyền thống. Họ trở thành người trụ cột về kinh tế, cùng vợ bàn bạc để ra các quyết định quan trọng cuối cùng cũng như thực hiện chính các công việc quan trọng đó.

Trong gia đình người Ê-đê truyền thống, các công việc liên quan đến gia đình, dòng họ chủ yếu do người chồng thay mặt vợ thực hiện và người vợ đưa ra các quyết định là chính. Hiện nay, các quyết định liên quan đến gia đình, dòng họ trong gia đình người Ê-đê kết hôn khác dân tộc ở thành phố Buôn Ma Thuột đều có sự bàn bạc và cùng ra quyết định của hai vợ chồng, nhất là trong gia đình người Ê-đê kết hôn với dân tộc phụ hệ. Qua đó cũng cho thấy vị thế, vai trò trong gia đình của nam giới Ê-đê ngày càng được khẳng định hơn khi kết hôn khác dân tộc. Bên cạnh vai trò là trụ cột kinh tế gia đình, họ vẫn đảm đương vai trò đại diện cho gia đình và dòng họ mẹ của mình trong các hoạt động xã hội, đối ngoại và hiện nay họ bình đẳng với vợ trong các quyết định quan trọng cuối cùng. Hình thức này “có thể ví với một cái sườn nhà lấy người mẹ làm mối nối, và lấy nam giới làm rường cột” (Lý Tùng Hiếu, 2009). Khác với sự tăng lên vai trò của nam giới Ê-đê, thì ngược lại, hiện nay vai trò quyết định của phụ nữ Ê-đê có giảm đi thay vào đó là vai trò cả hai vợ chồng cùng quyết định công việc gia đình tăng lên. Nếu trong xã hội truyền thống, phụ nữ Ê-đê là người chủ gia đình, họ có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định, nhất là các quyết định liên quan đến gia đình, dòng họ kể cả các hoạt động chung của hai vợ chồng, thì hiện nay, khi kết hôn với các dân tộc khác, việc ra quyết định cũng có sự bàn bạc, thống nhất giữa hai vợ chồng để đưa ra các quyết định cuối cùng. Sự thay đổi này có thể xuất phát từ nguyên nhân sâu xa của việc kết hôn khác dân tộc nên đã có sự giao thoa văn hóa, nhất là giữa các cặp vợ chồng Ê-đê mẫu hệ kết hôn với người chồng ở dân tộc phụ hệ. Bên cạnh đó, nhận thức của người Ê-đê cũng thay đổi nên cũng có những biến đổi nhất định về vai trò giới trong sự phân công lao động.

Tóm lại, sự phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình ở các gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê trong nghiên cứu này vừa thể hiện sự bảo lưu vai trò giới truyền thống, phụ nữ vẫn là người thực hiện chính các công việc nội trợ, chăm sóc dạy dỗ con cái, nhưng gánh nặng vai trò giới được giảm đi vì họ nhận được sự chia sẻ nhiều hơn từ chồng. Với sự phân công công việc nhà như hiện nay, phụ nữ Ê-đê vẫn có vị trí, vai trò to lớn trong gia đình; đồng thời họ cũng nhận được sự chia sẻ nhiều hơn từ phía người chồng. Việc cả hai vợ chồng cùng có quyền quyết định các công việc gia đình đang tăng lên thể hiện sự bình đẳng giới trong mối quan hệ gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê hiện nay.

Tài liệu trích dẫn

- Buôn Krông Tuyết Nhung. 2012. *Văn hóa mẫu hệ qua sử thi Êđê*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Lê Hữu Phước. 2017. *Phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình người Êđê ở xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk*. Báo cáo tổng hợp Đề tài khoa học cấp Cơ sở, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk.
- Lý Tùng Hiếu. 2009. *Nam quyền trong chế độ mẫu hệ ở Việt Nam*. <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-to-chuc-doi-song-tap-the/1239-ly-tung-hieu-nam-quyen-trong-che-do-mau-he-o-viet-nam.html>.
- Mai Huy Bích. 2010. *Xã hội học gia đình*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Minh Tuấn. 2012. “Bình đẳng giới trong gia đình người Êđê ở Đắk Lắk”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2 (118), tr.81-89.
- Nguyễn Thị Hạnh. 2004. *Mẫu hệ, phụ nữ Ê Đê và kinh tế hộ gia đình*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Thắng. 2018. “Chế độ gia đình mẫu hệ ở Tây Nguyên và vai trò của người phụ nữ trong xã hội”. *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Đức*, số 26, tr.169-177.
- Phan Hữu Dật. 2013. *Lại bàn về chế độ song hệ ở các dân tộc nước ta*, <https://phanhuudat.blogspot.com/2013/03/lai-ban-ve-che-o-song-he-o-cac-dan-toc.html>.
- Thu Nhung Mlô Duôn Du. 2001. *Người phụ nữ Ê Đê trong đời sống xã hội tộc người*. Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
- Tỉnh ủy Đắk Lắk. 2019. *Tài liệu Hội thảo Tổng kết 10 năm thực hiện kết luận số 60-KL/TW, ngày 27/11/2009 của Bộ chính trị, ngày 28/3/2019*. Đắk Lắk.
- Trần Thị Hồng. 2019. “Công việc gia đình không được trả công của phụ nữ dân tộc thiểu số”. In trong Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia: *Thách thức và giải pháp để phụ nữ dân tộc thiểu số không bị bỏ lại phía sau*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Vương Xuân Tình. 2017. *Các dân tộc ở Việt Nam*. Tập 3: Nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ-mer. Nxb. Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.